



BẢN TIN CẬP NHẬT VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Kế toán, Kiểm toán, Thuế, Tài chính

Tháng 08/2026



MỤC LỤC

	Trang
Thông tư 76/2026/TT-BTC ngày 29/06/2026 hướng dẫn mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp trong hoạt động kiểm toán độc lập.	02
Nghị định 296/2026/NĐ-CP ngày 23/07/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 168/2025/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp.	03-04
Thông tư 108/2026/TT-BTC ngày 24/07/2026 hướng dẫn kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.	05
Nghị định 255/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết.	06-07
Thông tư 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định 252/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế.	08
Thông tư 94/2026/TT-BTC ngày 01/07/2026 quy định về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế.	09-10
Nghị định 291/2026/NĐ-CP ngày 21/07/2026 sửa đổi Nghị định 125/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn được sửa đổi bởi Nghị định 102/2021/NĐ-CP và Nghị định 310/2025/NĐ-CP.	11
Thông tư 86/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.	12



QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Ngày 29/6/2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 76/2026/TT-BTC hướng dẫn mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp trong hoạt động kiểm toán độc lập, theo đó:

- Thông tư này quy định về việc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp trong hoạt động kiểm toán độc lập theo quy định tại Luật Kiểm toán độc lập.
- Quy định trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp trong hoạt động kiểm toán độc lập như sau:
 - Doanh nghiệp kiểm toán trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp vào cuối năm tài chính với mức trích là 1% trên doanh thu dịch vụ đảm bảo của năm đó.
 - Khoản trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.
 - Số dư quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp không vượt quá 10% doanh thu dịch vụ đảm bảo của năm tài chính hiện hành. Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp vượt mức 10% doanh thu dịch vụ đảm bảo của năm tài chính hiện hành thì doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hoàn nhập đối với phần vượt mức và hạch toán giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.
 - Doanh nghiệp kiểm toán có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế nội bộ quản lý và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp.
- Bên cạnh đó, quy định về mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề như sau:
 - Doanh nghiệp kiểm toán mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề theo quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm.
 - Chi phí mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Thông tư 76/2026/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/09/2026.





QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Ngày 23/7/2026, Chính phủ ban hành Nghị định 296/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 168/2025/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp, trong đó đã sửa đổi, bổ sung quy định về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, theo đó:

Chủ sở hữu hưởng lợi của một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân là một hoặc nhiều cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu hoặc kiểm soát cuối cùng trên thực tế đối với doanh nghiệp đó, không bao gồm cá nhân đại diện cho vốn nhà nước trong doanh nghiệp (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp). Chủ sở hữu hưởng lợi là một hoặc nhiều cá nhân được xác định như sau:

- Cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc vừa trực tiếp và gián tiếp sở hữu từ 25% vốn điều lệ hoặc từ 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của doanh nghiệp.
- Chủ sở hữu gián tiếp là cá nhân sở hữu từ 25% trở lên vốn điều lệ hoặc từ 25% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp thông qua các tổ chức hoặc các thỏa thuận pháp lý khác.
- Trường hợp nhóm cá nhân có mối quan hệ gia đình theo quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp hoặc hợp đồng cùng nhau sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc vừa trực tiếp và gián tiếp từ 25% trở lên vốn điều lệ hoặc từ 25% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp, doanh nghiệp xác định các cá nhân trong nhóm này là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp.
- Đối với công ty hợp danh, tất cả thành viên hợp danh là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp không phụ thuộc vào tỷ lệ góp vốn điều lệ hay quyền biểu quyết của họ tại doanh nghiệp.
- Trường hợp cá nhân không đáp ứng tiêu chí quy định tại trên, hoặc có căn cứ cho thấy cá nhân được xác định theo tiêu chí quy định trên không phải là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, doanh nghiệp xác định chủ sở hữu hưởng lợi thông qua các phương thức khác theo pháp luật hoặc trên thực tế. Việc kiểm soát được thông qua một hoặc nhiều các quyền sau: Quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hoặc chủ tịch hội đồng quản trị, đa số hoặc tất cả thành viên hoặc chủ tịch hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng giám đốc; sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp; thay đổi cơ cấu tổ chức; quyết định chính sách tài chính, đầu tư và hoạt động của doanh nghiệp; tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp.



QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

- Trong trường hợp không có cá nhân đáp ứng tiêu chí trên, doanh nghiệp xác định một cá nhân là người quản lý doanh nghiệp có quyền hạn lớn nhất để hành động thay mặt cho doanh nghiệp, trừ trường hợp cá nhân đại diện vốn nhà nước trong doanh nghiệp.

Nghị định 296/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ 23/07/2026.





QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Ngày 24/7/2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 108/2026/TT-BTC hướng dẫn kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, theo đó:

Báo cáo tài chính khi cổ phần hóa doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là doanh nghiệp cổ phần hóa) được thực hiện như sau:

1. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa, nếu doanh nghiệp cổ phần hóa vẫn còn số dư các khoản phải thu về cổ phần hóa, phải trả về cổ phần hóa thì khi lập Báo cáo tình hình tài chính theo mẫu hướng dẫn tại chế độ kế toán mà doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng, doanh nghiệp cổ phần hóa bổ sung các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính để phản ánh các khoản phải thu, phải trả về cổ phần hóa. Cụ thể như sau:
 - Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác (Mã số 135)” bao gồm số dư Nợ chi tiết của Tài khoản 1385 - Phải thu về cổ phần hóa;
 - Chỉ tiêu “Phải trả ngắn hạn khác (Mã số 320)” bao gồm số dư Có chi tiết của Tài khoản 3385 - Phải trả về cổ phần hóa;
2. Ngoài các khoản mục phải thuyết minh theo quy định tại chế độ kế toán doanh nghiệp mà doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng, doanh nghiệp cổ phần hóa thuyết minh thêm các thông tin sau trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính:
 - Các khoản nợ phải thu không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định mà doanh nghiệp giữ lại để tiếp tục theo dõi, quản lý và thu hồi nợ;
 - Các khoản nợ phải trả mà chủ nợ không xác nhận, đã hạch toán tăng vốn nhà nước theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa nhưng công ty cổ phần vẫn tiếp tục kế thừa, theo dõi để thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi có yêu cầu của chủ nợ (nếu có);
 - Số dư khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước) để theo dõi và xử lý theo quy định;
 - Số cổ phiếu được nhận từ chia cổ tức bằng cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước, doanh nghiệp cổ phần hóa theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính,....

Thông tư 108/2026/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 24/07/2026.





CHÍNH SÁCH THUẾ MỚI

Ngày 30/06/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định 255/2026/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết, theo đó:

- Người nộp thuế có giao dịch liên kết phải loại trừ các yếu tố làm giảm nghĩa vụ thuế do quan hệ liên kết chi phối, để kê khai và xác định nghĩa vụ thuế tương đương với các giao dịch độc lập. Cơ quan thuế sẽ quản lý và kiểm tra giá giao dịch liên kết theo nguyên tắc quản lý thuế và kiểm tra thuế.
- Nghị định quy định các phương pháp phân tích, so sánh, lựa chọn đối tượng so sánh độc lập để xác định giá giao dịch liên kết. Điều này nhằm đảm bảo việc xác định nghĩa vụ thuế phải nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế được thực hiện đúng quy định.
- Nguyên tắc áp dụng:
 - Phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập được thực hiện trên nguyên tắc không có khác biệt về đặc tính sản phẩm và điều kiện hợp đồng khi so sánh giá giao dịch độc lập và giá giao dịch liên kết có ảnh hưởng trọng yếu đến giá sản phẩm. Trường hợp có các khác biệt ảnh hưởng trọng yếu đến giá sản phẩm, phải loại trừ các khác biệt trọng yếu này;
 - Các yếu tố đặc tính sản phẩm và điều kiện hợp đồng có tác động trọng yếu đến giá sản phẩm, bao gồm: Đặc tính, chất lượng, thương hiệu, nhãn hiệu thương mại của sản phẩm và quy mô, khối lượng giao dịch; các điều kiện hợp đồng cung cấp, chuyển giao sản phẩm; khối lượng, thời hạn chuyển giao, thời hạn thanh toán và các điều kiện khác của hợp đồng; quyền phân phối, tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, tài sản có ảnh hưởng đến giá trị kinh tế và thị trường nơi diễn ra giao dịch và các yếu tố khác tác động đến giá sản phẩm như điều kiện kinh tế và chức năng hoạt động của người nộp thuế.
- Phương pháp xác định:
 - Giá sản phẩm trong giao dịch liên kết được điều chỉnh theo giá sản phẩm trong giao dịch độc lập hoặc giá trị thuộc khoảng giá trị giao dịch độc lập chuẩn của các đối tượng so sánh độc lập theo quy định tại Nghị định 255/2026/NĐ-CP.
 - Trường hợp giá sản phẩm được công bố trên các sàn giao dịch hàng hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế, giá sản phẩm trong giao dịch liên kết được xác định theo giá sản phẩm được công bố có thời điểm và các điều kiện giao dịch tương đồng;



CHÍNH SÁCH THUẾ MỚI

- Người nộp thuế mua máy móc, thiết bị từ bên liên kết ở nước ngoài phải có tài liệu, chứng từ chứng minh giá mua máy móc, thiết bị tuân theo nguyên tắc giao dịch độc lập tại thời điểm mua: Đối với máy móc, thiết bị mới, giá so sánh là giá hóa đơn bên liên kết mua máy móc, thiết bị đó từ bên độc lập; đối với máy móc, thiết bị đã qua sử dụng, phải có hóa đơn, chứng từ gốc tại thời điểm mua, khi đó giá trị tài sản được xác định lại theo quy định hiện hành của pháp luật về hướng dẫn quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.
- Kết quả xác định giá giao dịch liên kết là giá tính thuế để kê khai, xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp nhưng không làm giảm nghĩa vụ thuế phải nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế.
- Người nộp thuế có trách nhiệm kê khai, lập hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết và báo cáo lợi nhuận liên quốc gia. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm quản lý thuế đối với người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết, đảm bảo việc thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Nghị định 255/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/07/2026.



CHÍNH SÁCH THUẾ MỚI

Ngày 30/6/2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 89/2026/TT-BTC quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định 252/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế, theo đó:

1. Tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khai theo quý và quyết toán năm như sau:
 - Trường hợp khai theo quý: Tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thực hiện khai số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ của cá nhân nhận thu nhập theo quý;
 - Trường hợp khai quyết toán năm:
 - Tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm quyết toán thuế và quyết toán thay cho các cá nhân có ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế, không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế;
 - Trường hợp cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tổ chức cũ và tổ chức mới trong cùng một hệ thống thì tổ chức mới có trách nhiệm quyết toán thay theo ủy quyền của cá nhân đối với cả phần thu nhập do tổ chức cũ chỉ trả và thu lại chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân do tổ chức cũ đã cấp cho người lao động (nếu có).
2. Việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ khai thuế TNCN từ tiền lương tiền công như sau:
 - Cơ quan thuế tiếp nhận, xử lý hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân là cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức, cá nhân trả thu nhập;
 - Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho người lao động làm việc tại đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh tại tỉnh khác nơi tổ chức, cá nhân đóng trụ sở:
 - Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập lựa chọn khai thuế tập trung tại trụ sở của tổ chức, cá nhân trả thu nhập thì cơ quan thuế tiếp nhận, xử lý hồ sơ khai thuế là cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức, cá nhân trả thu nhập;
 - Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập lựa chọn khai thuế cho từng đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh thì cơ quan thuế tiếp nhận, xử lý hồ sơ khai thuế là cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh.

Thông tư 89/2026/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/07/2026.





CHÍNH SÁCH THUẾ MỚI

Ngày 01/7/2026, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 94/2026/TT-BTC quy định về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế, theo đó:

1. Việc áp dụng quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch, đúng quy định của pháp luật, không phân biệt đối xử; được thực hiện nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế, khuyến khích và tạo điều kiện để người nộp thuế tự nguyện tuân thủ tốt pháp luật thuế đồng thời phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật thuế.
2. Quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế phải được thực hiện trên cơ sở phân tích dữ liệu khách quan, toàn diện, thường xuyên được cập nhật áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp với đặc thù, mức độ tuân thủ pháp luật thuế và mức độ rủi ro của từng nhóm, từng người nộp thuế; ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại và tự động hóa trong thu thập, xử lý dữ liệu, đánh giá và phân loại.
3. Thông tin phục vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro được thu thập từ các nguồn thông tin trong và ngoài cơ quan thuế, bao gồm cả thông tin từ nước ngoài theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 6 Thông tư 94/2026/TT-BTC ; được quản lý thông qua hệ thống quản trị thuế của ngành thuế, đồng thời được xử lý, chia sẻ và cung cấp cho cơ quan thuế các cấp và các cơ quan nhà nước có liên quan để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định.
4. Việc đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ pháp luật thuế và mức độ rủi ro của người nộp thuế được thực hiện tự động, định kỳ, theo một hoặc kết hợp các phương pháp được quy định tại Thông tư 94/2026/TT-BTC trên cơ sở quy trình, biện pháp nghiệp vụ quản lý thuế, hệ thống tiêu chí và cơ sở dữ liệu về người nộp thuế.
5. Trường hợp Phân hệ quản lý tuân thủ và rủi ro thuế gặp sự cố hoặc chưa đáp ứng yêu cầu áp dụng quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế, việc thực hiện được tiến hành thủ công trên cơ sở phê duyệt bằng văn bản của người có thẩm quyền theo quy định của Luật Quản lý thuế 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
6. Trường hợp có thay đổi thông tin làm thay đổi kết quả đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ pháp luật thuế và mức độ rủi ro của người nộp thuế mà hệ thống ứng dụng chưa tự động cập nhật, việc điều chỉnh được thực hiện thủ công bởi công chức thuế sau khi được người có thẩm quyền phê duyệt.



CHÍNH SÁCH THUẾ MỚI

7. Căn cứ kết quả đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ pháp luật thuế và mức độ rủi ro của người nộp thuế, cơ quan thuế thực hiện:
 - Quyết định việc kiểm tra, giám sát và áp dụng các biện pháp nghiệp vụ quản lý thuế phù hợp;
 - Xây dựng kế hoạch và biện pháp nâng cao mức độ tuân thủ tổng thể, phù hợp với nguồn lực, trên cơ sở phân tích hành vi, nguyên nhân và quy mô của từng mức độ tuân thủ và mức độ rủi ro.
8. Kết quả áp dụng các biện pháp nghiệp vụ tương ứng với từng mức độ tuân thủ pháp luật thuế, mức độ rủi ro của người nộp thuế phải được cập nhật đầy đủ, chính xác vào các ứng dụng hỗ trợ quản lý thuế hoặc Phân hệ quản lý tuân thủ và rủi ro thuế của cơ quan thuế đối với từng trường hợp cụ thể, làm cơ sở cho việc hoàn thiện cơ chế và đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ pháp luật thuế và mức độ rủi ro của người nộp thuế trong các kỳ tiếp theo.
9. Công chức thuế không phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các hành vi đã thực hiện đúng quy định tại Thông tư này và các hướng dẫn về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro khi thi hành nhiệm vụ.

Thông tư 94/2026/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2026.



CHÍNH SÁCH THUẾ MỚI

Ngày 21/7/2026, Chính phủ ban hành Nghị định 291/2026/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 125/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn được sửa đổi bởi Nghị định 102/2021/NĐ-CP và Nghị định 310/2025/NĐ-CP, theo đó:

Nghị định bổ sung quy định xử phạt hành vi vi phạm hành chính về cung cấp thông tin phục vụ mục đích trao đổi thông tin về thuế, hóa đơn, cụ thể:

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan thuế phục vụ mục đích trao đổi thông tin theo quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về thuế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc là bên ký kết quá thời hạn từ 05 ngày trở lên.
- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp không chính xác, không đầy đủ thông tin theo yêu cầu của cơ quan thuế phục vụ mục đích trao đổi thông tin theo quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về thuế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc là bên ký kết.
- Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
 - Không cung cấp thông tin sau 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn cung cấp thông tin hoặc kể từ ngày hết thời hạn gia hạn cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan thuế phục vụ mục đích trao đổi thông tin theo quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về thuế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc là bên ký kết.
 - Thông đồng, bao che người nộp thuế nhằm ngăn cản cơ quan thuế thu thập, xác minh thông tin phục vụ mục đích trao đổi thông tin theo quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về thuế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc là bên ký kết.

Nghị định 291/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 21/7/2026.



XUẤT NHẬP KHẨU

Ngày 30/06/2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 86/2026/TT-BTC quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, theo đó:

- Người nộp thuế có nợ tiền thuế thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 65 Nghị định 252/2026/NĐ-CP thì được phép đăng ký nộp dần tiền thuế nợ và cam kết nộp dần theo các hạn mức sau:
- Từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng: Thời gian nộp dần tối đa không quá 03 tháng.
- Từ 01 tỷ đồng đến dưới 02 tỷ đồng: Thời gian nộp dần tối đa không quá 06 tháng.
- Từ 02 tỷ đồng trở lên: Thời gian nộp dần tối đa không quá 12 tháng.
- Thời gian nộp dần nêu trên được tính từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản chấp thuận và phải nằm trong thời hạn hiệu lực của thư bảo lãnh.
- Trong trường hợp đã hết thời hạn nộp dần nhưng người nộp thuế vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ (bao gồm tiền thuế nợ và tiền chậm nộp phát sinh nếu có), tổ chức tín dụng đứng ra bảo lãnh có trách nhiệm nộp thay toàn bộ số tiền này cho người nộp thuế theo đúng quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 65 Nghị định 252/2026/NĐ-CP.
- Hồ sơ đề nghị nộp dần tiền thuế nợ gồm:
- Công văn đề nghị nộp dần tiền thuế nợ của người nộp thuế theo Mẫu số 17 tại Phụ lục II hoặc theo Mẫu số 47 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 86/2026/TT-BTC ;
- Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với số tiền thuế nợ đề nghị nộp dần. Trường hợp bảo lãnh điện tử thì người nộp thuế không phải nộp chứng từ thư bảo lãnh này.
- Thời hạn giải quyết (kể từ khi nhận đủ hồ sơ)
- 01 ngày làm việc: Đối với hồ sơ do các Đội thuộc Chi cục giải quyết.
- 02 ngày làm việc: Đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực hoặc các đơn vị chuyên trách thuộc Cục.
- 03 ngày làm việc: Đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền của Cục trưởng Cục Hải quan.



LIÊN HỆ VỚI CHÚNG TÔI



anvietcpa.com



facebook.com/anvietcpa/



Ông Vũ Bình Minh

Tổng Giám đốc

Tel: 0904.347.726

Email: minh.vu@anvietcpa.com



Ông Đỗ Dương Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Tel: 0939.333.119

Email: tung.do@anvietcpa.com



Bà Vũ Thị Hương Giang

Phó Tổng Giám đốc

Tel: 0909.866.888

Email: giang.vu@anvietcpa.com

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 12 - Tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Tel: 0246.2782.904

Email: anviet@anvietcpa.com

VĂN PHÒNG HÀ NỘI

Tầng 9, tòa nhà AC ngõ 78 Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Tel: 0243.7958.705

Email: anviet.hn@anvietcpa.com

VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 12A khu BH 06 - ô số 13 lô OTM-1, Khu đô thị Vinhomes Imperia, Hồng Bàng, Hải Phòng

Tel: 02253.842.430

Email: anviet.hp@anvietcpa.com